

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 20-9-2022

“V/v tranh chấp chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thanh.
2. Bà Phan Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Nghĩa T, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Trú tại: Tổ X, phường A, thị xã K, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Đình K, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: 654 Nguyễn TH, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc L, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn G2, xã G, huyện T, Bình Định.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Nghĩa H, sinh năm 1966; anh Trần Quốc Q, sinh 1993, anh Trần Quốc C, anh Trần Quốc C1 - (đều vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị L1, sinh 1950; chị Trần Thị V (Nguyễn Thị V), sinh năm 1974 - (đều vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Đồng trú tại: Thôn G2, xã G, huyện T, Bình Định.

+ Ông Trần Nghĩa N, sinh năm 1970 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: Thôn LT, xã A, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1944 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: 47/11 Lê T, P. H, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1934 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Địa chỉ: Tổ Y, phường A, thị xã K, tỉnh Gia Lai.
+ Anh Trần Nghĩa T3, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).
Địa chỉ: Tổ X, phường A, thị xã K, tỉnh Gia Lai.
+ Chị Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn yêu cầu).
Địa chỉ: Tổ M, Khu phố Z, phường C, TP. Q, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án (nguyên đơn ông Trần Nghĩa T), tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền anh Trần Đình K trình bày: Cha ông Trần Nghĩa T tên Trần Nghĩa S sinh năm 1919, chết năm 2006; mẹ ông tên Nguyễn Thị Đ sinh 1924, chết năm 2010. Cha mẹ ông có 07 người con gồm: Ông Trần Quốc L, ông (Trần Nghĩa T), ông Trần Nghĩa N, ông Trần Nghĩa H, Trần Nghĩa D (chết năm 1975, có vợ là bà Nguyễn Thị L1 và con gái là Trần Thị V), ông Trần Nghĩa H2 (chết năm 2000, có vợ là bà Nguyễn Thị T1 và ba con là: Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1) và bà Trần Thị T2. Cha mẹ ông có tạo lập được 01 lô đất ở 203,5m² tại xóm N, thôn G2, xã G, huyện T, Bình Định. Sau khi cha ông chết thì mẹ ông mới làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất (số AL 389433 ngày 06/11/2007) đối với diện tích đất trên - 203,5m², số thửa 195, số tờ bản đồ 53, tài sản trên đất là nhà ở diện tích 49m².

Cha ông T chết không để lại di chúc. Năm 2009 mẹ ông đã lập di chúc có sự chứng thực của UBND xã G, để lại di sản cho ông và vợ ông là Nguyễn Thị H3 được thừa kế đối với ½ nhà đất nói trên + một phần thừa kế theo pháp luật từ di sản do cha ông là Trần Nghĩa S để lại (Ký chứng thực ngày 20/8/2009, số vào sổ 03 quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐ).

Sau khi mẹ ông T chết thì UBND xã G công bố di chúc nhưng ông Trần Quốc L không đồng ý. Ông T yêu cầu Tòa giải quyết công nhận di chúc ngày 20/8/2009 của mẹ ông (Nguyễn Thị Đ) có hiệu lực, chia thừa kế theo di chúc của mẹ ông và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cha ông (Trần Nghĩa S) theo quy định pháp luật và ông xin nhận toàn bộ thừa đất trên để sử dụng, ông thôi lại cho các thừa kế khác bằng tiền.

Vợ ông Nguyễn Thị H3 đã chết tháng 8/2021, vợ chồng ông bà có 02 người con chung là: Trần Thị Thùy T4 và Trần Nghĩa T3; cha bà H3 đã chết, mẹ bà H3 là bà Trần Thị H1 hiện cư trú tại phường A, thị xã K. Ngoài ra bà H3 không con riêng, con nuôi nào khác.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Quốc L trình bày: Cha ông tên Trần Nghĩa S sinh năm 1919, chết năm 2006; mẹ ông tên Nguyễn Thị Đ sinh 1924, chết năm 2010. Cha mẹ ông có tạo lập được 01 lô đất ở diện tích 203,5m² tại xóm N, thôn G2, xã G, huyện T, Bình Định. Khi cha ông còn sống đã phát hiện mất Giấy chứng nhận QSD đất và một số giấy tờ khác có báo cáo chính quyền. Mẹ ông năm 2009 đã già yếu, không còn minh mẫn, nên ông nghi ngờ tính chân thực của di chúc này (theo ông có thể mẹ ông bị ép buộc ký) và cũng

không công nhận di chúc do ông T cung cấp. Do đó, việc ông T nại rằng được mẹ để lại thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ nhà đất do cha mẹ để lại thì ông không đồng ý.

Ông yêu cầu: Nếu các anh chị em đồng ý thỏa thuận để lại nhà đất nói trên để ông được quyền sử dụng, ông sẽ xây dựng nhà làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ. Còn nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tính giá trị bán đi chia đều cho các đồng thừa kế, không ai được nhận nhiều hơn ai.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Nghĩa H trình bày: Cha ông tên Trần Nghĩa S sinh năm 1919, chết năm 2006; mẹ tên Nguyễn Thị Đ sinh 1924, chết năm 2010. Cha mẹ ông có 07 người con gồm: Ông Trần Quốc L, ông Trần Nghĩa T, ông Trần Nghĩa N, ông (Trần Nghĩa H), Trần Nghĩa D (chết năm 1975, có vợ là bà Nguyễn Thị L1 và con gái là Trần Thị V), ông Trần Nghĩa H2 (chết năm 2000, có vợ là bà Nguyễn Thị T1 và ba con là: Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1) và bà Trần Thị T2 (và có 03 người con nữa nhưng đã chết trẻ). Cha mẹ ông có tạo lập được 01 lô đất ở 203,5m² tại xóm N, thôn G2, xã G, huyện T, Bình Định. Sau khi cha ông chết thì mẹ ông mới làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất (số AL 389433 ngày 06/11/2007) đối với diện tích đất trên - 203,5m², số thửa 195, số tờ bản đồ 53, tài sản trên đất là nhà ở diện tích 49m². Di chúc do ông Trần Nghĩa T cung cấp về việc mẹ ông (Nguyễn Thị Đ) để lại $\frac{1}{2}$ nhà đất trên cho vợ chồng ông T, bà H1 thì ông không công nhận, cho rằng đây là di chúc do lừa dối mà có. Nên ông yêu cầu phân chia di sản cha mẹ để lại theo quy định pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Nghĩa N trình bày: Thống nhất như ông Trần Nghĩa T đã trình bày về hàng thừa kế. Cha mẹ các ông có tạo lập được 01 lô đất ở 203,5m² tại xóm N, thôn G2, xã G, huyện T, Bình Định. Sau khi cha ông chết thì mẹ ông mới làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất (số AL 389433 ngày 06/11/2007) đối với diện tích đất trên - 203,5m², số thửa 195, số tờ bản đồ 53, tài sản trên đất là nhà ở diện tích 49m². Đối với di chúc do ông Trần Nghĩa T cung cấp có nội dung mẹ ông (Nguyễn Thị Đ) để lại $\frac{1}{2}$ nhà đất trên cho vợ chồng ông T, bà H1 thì ông không có ý kiến gì, mẹ cho ai là quyền của mẹ. Còn phần ông thì ông yêu cầu phân chia di sản cha mẹ để lại theo quy định pháp luật, ông xin nhận đất, còn không thì ai nhận đất phải thôi lại phần ông bằng tiền.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T2 trình bày: Thống nhất như ông Trần Nghĩa T đã trình bày về hàng thừa kế, di sản thừa kế do cha mẹ để lại và công nhận di chúc do bà Nguyễn Thị Đ để lại. Bà từ chối nhận thừa kế di sản của cha mẹ để lại, phần của bà thì đề nghị phân chia cho các thừa kế khác theo quy định pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1 và chị Trần Thị V trình bày: bà L1 và chị V là vợ con của ông Trần Nghĩa D (chết năm 1975), là con dâu và cháu nội của ông Trần Nghĩa S và bà Nguyễn Thị Đ. Bà L1, chị V thống nhất như ông Trần Nghĩa T đã trình bày

về hàng thừa kế, di sản thừa kế do ông Trần Nghĩa S và bà Nguyễn Thị Đ để lại. Bà L1, chị V không biết gì, không có yêu cầu gì đối với di chúc bà Nguyễn Thị Đ để lại; yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật, xin được nhận hiện vật (đất); nếu không đủ điều kiện nhận đất thì yêu cầu được nhận bằng tiền phần thừa kế của ông D

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Quốc Q trình bày: Anh là con ruột ông Trần Nghĩa H2, cháu nội ông Trần Nghĩa S, bà Nguyễn Thị Đ. Anh thừa nhận thừa đất số 195, số tờ bản đồ 53, diện tích 203,5m² (tại thôn G2, xã G, huyện T) là tài sản do ông bà nội để lại. Anh không thừa nhận di chúc do ông T đưa ra có nội dung bà nội Nguyễn Thị Đ để lại di sản cho ông T. Anh yêu cầu giải quyết phân chia di sản ông bà nội để lại cho tất cả con cháu đều nhau theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H1 trình bày: Bà là mẹ ruột bà Nguyễn Thị H3. Bà H3 chết tháng 8/2021 không để lại di chúc, cha bà H3 đã chết trước bà H3. Bà thống nhất toàn bộ như lời khai và yêu cầu mà ông T đã trình bày trước Tòa. Đối với di sản do bà H3 để lại thì bà từ chối nhận, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Thanh T4, anh Trần Nghĩa T3 trình bày: Anh chị là con ruột của ông T và bà H3. Bà H3 chết tháng 8/2021 không để lại di chúc, cha bà H3 đã chết trước bà H3. Anh chị thống nhất toàn bộ như lời khai và yêu cầu mà cha anh chị (ông T) đã trình bày trước Tòa. Anh chị yêu cầu Tòa án công nhận di chúc cụ Nguyễn Thị Đ để lại là có hiệu lực pháp luật, chia di sản cụ Đ theo di chúc và di sản của cụ Trần Nghĩa S theo quy định pháp luật.

Theo kết quả định giá ngày 30/6/2022 thì:

Thửa 195, tờ bản đồ số 53, diện tích thực tế: 203,5m².

Đất ở nông thôn vị trí 1, hạng 1, có đơn giá là: 225.000đ/m². Giá thị trường: 4.000.000đ/m².

Giá trị thửa đất 814.000.000đ.

Hiện trạng đất trống không có tài sản gì trên đất

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự tuy nhiên có vi phạm: chậm thụ lý đơn khởi kiện...; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 631, 634, 635, 641, 646, 649, 652, 653, 657, 667, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Trần Nghĩa T:

Xác định những người thừa kế theo pháp luật của hai cụ Trần Nghĩa S, Nguyễn Thị Đ gồm: bà Trần Thị T2, ông Trần Quốc L, ông Trần Nghĩa T, ông Trần Nghĩa H, ông Trần Nghĩa N, ông Trần Nghĩa D (chết năm 1975, con gái là Trần Thị V tên gọi khác: Nguyễn Thị V thừa kế thế vị), ông Trần Nghĩa H2 (chết năm 2000, có ba con là: Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 thừa kế thế vị) (07 người con chung).

Xác định di sản do hai cụ S, Đ để lại là: Thửa 195, tờ bản đồ số 53, diện tích 203,5m². Thửa đất trên được cân đối cấp cho hộ cụ Đ theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 389433 do UBND huyện T cấp ngày 06/11/2007.

Di chúc do cụ Nguyễn Thị Đ lập ngày 20/8/2009 về việc để lại di sản gồm ½ nhà đất tại thửa 195, tờ bản đồ số 53, diện tích 203,5m² (thôn G2, xã G, huyện T, Bình Định) và phần thừa kế cụ Đ được nhận từ di sản cụ S để lại - cho vợ chồng ông Trần Nghĩa T, bà Nguyễn Thị H3 - đã được UBND xã G chứng thực. UBND xã G đã căn cứ đúng các quy định pháp luật để chứng thực nên di chúc có hiệu lực toàn phần

Đề nghị HĐXX phân chia theo di chúc và theo quy định pháp luật cho người thừa kế theo pháp luật của cụ S, cụ Đ như sau: Vợ chồng ông T, bà H3 được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Đ = 101,75m² + 14,534m² (phần cụ Đ được hưởng di sản thừa kế của cụ S). Các đồng thừa kế theo pháp luật của cụ S, mỗi suất thừa kế = 101,75m²/7 (bà T2 từ chối nhận di sản) = 14,534m².

Phân chia di sản bằng hiện vật: Qua điều tra xác minh thì hiện nay các đương sự đều có nhà riêng biệt. Hiện trạng thửa đất bỏ trống, nhà ở đã sập từ lâu, mỗi kỹ phần thừa kế theo pháp luật của cụ S không đủ diện tích để phân tách thửa đất; đề nghị HĐXX xem xét giao:

+ Ông Trần Nghĩa T và bà Nguyễn Thị H3 được quyền sử dụng thửa đất số 195, tờ bản đồ số 53, diện tích 203,5m² (theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 389433 do UBND huyện T cấp ngày 06/11/2007). Đất có giá trị: 814.000.000đ (do bà H3 đã chết nên ông T, bà Trần Thị H1 (mẹ bà H3) và các con của bà H3 là Trần Nghĩa T3, Trần Thị Thanh T4 được hưởng phần bà H3).

+ Buộc ông T có nghĩa vụ thôi lại cho: ông Trần Quốc L, ông Trần Nghĩa N, ông Trần Nghĩa H mỗi người 58.142857đ; thôi lại cho chị Trần Thị V (tên gọi khác Nguyễn Thị V) 58.142857đ (nhận thừa kế thế vị phần ông Trần Nghĩa D); thôi lại cho các anh Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 58.142857đ (nhận thừa kế thế vị phần ông Trần Nghĩa H2); ông T được hưởng 58.142857đ.

Đối với yêu cầu của ông L và những người khác không thừa nhận di chúc cụ Nguyễn Thị Đ, yêu cầu phân chia toàn bộ di sản theo quy định, đòi nhận hiện vật là không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Án phí, chi phí định giá, đo vẽ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa: bị đơn ông Trần Quốc L; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: ông Trần Nghĩa H, anh Trần Quốc C, anh Trần Quốc C1, anh Trần Quốc Q vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần; những người còn lại vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trần Nghĩa S (chết năm 2006), cụ Nguyễn Thị Đ chết năm 2010; ngày 26/9/2019 ông Trần Nghĩa T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ S, cụ Đ là quyền sử dụng đất tại thôn G2, xã G, huyện T - theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế vẫn còn.

[3] Về những người thừa kế của cụ Trần Nghĩa S, cụ Nguyễn Thị Đ: Căn cứ quy định tại Điều 635, Khoản 1 Điều 676, Điều 677 BLDS năm 2005 có cơ sở để xác định người thừa kế theo pháp luật của hai cụ S - Đ là: bà Trần Thị T2, ông Trần Quốc L, ông Trần Nghĩa T, ông Trần Nghĩa H, ông Trần Nghĩa N; chị Trần Thị V tên gọi khác: Nguyễn Thị V (thừa kế thế vị của ông Trần Nghĩa D); các anh Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 (thừa kế thế vị ông Trần Nghĩa H2).

[4] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thống nhất: Cụ Trần Nghĩa S và cụ Nguyễn Thị Đ có di sản là thửa đất số 195, tờ bản đồ số 53, diện tích 203,5m² (tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Định) được UBND huyện T cấp cho hộ cụ Đ theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 389433 ngày 06/11/2007, có giá trị 814.000.000đ.

Cụ S chết không để lại di chúc. Ngoài ra các cụ S - Đ không còn để lại tài sản nào khác. Đây là tình tiết mà cả nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Phân chia di sản theo di chúc: Vào ngày 20/9/2009, cụ Nguyễn Thị Đ đã lập di chúc với nội dung: để lại di sản gồm ½ nhà đất tại thửa 195, tờ bản đồ số 53, diện tích 203,5m² (G2, G, T, Bình Định) và phần tài sản cụ Đ được hưởng từ di sản do cụ Trần Nghĩa S để lại cho vợ chồng ông Trần Nghĩa T, bà Nguyễn Thị H3. Di chúc đã được UBND xã G căn cứ đúng các quy định pháp luật chứng thực. Căn cứ các quy định tại Điều 643, 646, 649, 652, 653, 657 của Bộ luật Dân sự 2005, HĐXX có cơ sở công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị Đ là có hiệu lực pháp luật. Theo đó, vợ chồng ông Trần Nghĩa T, bà Nguyễn Thị H3 được ½ di sản là nhà đất tại thửa 195, tờ bản đồ số 53, diện tích 203,5m² và phần tài sản cụ Đ được nhận từ di sản do cụ Trần Nghĩa S để lại có tổng giá trị: 465.142.857đ (814.000.000đ/2 + 407.000.000đ/7).

[6] Phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Nghĩa S theo trị giá: một kỷ phần thừa kế của cụ Trần Nghĩa S: 407.000.000đ/7 (do bà Trần Thị T2 từ chối nhận di sản) = 58.142.857đ (tương đương 14,534m² đất).

[7] Phân chia di sản bằng hiện vật: Qua điều tra xác minh thì hiện nay các đương sự đều có nhà riêng biệt. Hiện trạng thửa đất bỏ trống, nhà ở đã sập từ lâu; Áp dụng quy định tại các Điều 674, 675, 676 và 677 của BLDS năm 2005 nghị nên phân chia như sau:

[7.1] Giao ông Trần Nghĩa T và bà Nguyễn Thị H3 được quyền sử dụng thửa đất số 195, tờ bản đồ số 53, diện tích 203,5m² (theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 389433 do UBND huyện T cấp ngày 06/11/2007), đất tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Định; có giá trị: 814.000.000đ. Do bà H3 đã chết, phần di sản mà bà H3 được nhận thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H3 gồm: bà H1, chị T4, anh T3 được hưởng. Tuy nhiên bà H1, chị T4, anh T3 không có đơn yêu cầu độc lập để phân chia phần di sản của bà H3, nghị nên giao phần của bà H3 cho ông T tạm quản lý. Những người liên quan gồm: bà H1, chị T4, anh T3 không yêu cầu phân chia gì nên không xem xét trong vụ án này mà nghị tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn khởi kiện theo thủ tục chung.

[7.2] Buộc ông T có nghĩa vụ thôi lại cho: ông Trần Quốc L, ông Trần Nghĩa N, ông Trần Nghĩa H mỗi người 58.142.857đ; thôi lại chị Trần Thị V (tên gọi khác là Nguyễn Thị V) 58.142.857đ (thừa kế thế vị của ông Trần Nghĩa D); thôi lại cho các anh: Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 58.142.857đ (hưởng thừa kế thế vị của ông Trần Nghĩa H2); ông T được hưởng 58.142.857đ.

[8] Đối với yêu cầu của ông Trần Quốc L và các ông bà: Trần Nghĩa N, Nguyễn Thị L1, Trần Thị V, Nguyễn Thị T1, Trần Quốc Q không thừa nhận di chúc cụ Nguyễn Thị Đ, yêu cầu phân chia toàn bộ di sản theo quy định, đòi nhận hiện vật là không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147, áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cần buộc các bên được nhận di sản phải chịu án phí với mức 5% trên giá trị tài sản được nhận, theo đó cần buộc:

Anh Trần Nghĩa T3, chị Trần Thị Thanh T4 mỗi người phải nộp: 232.571.428đ/4 x 5% = 2.907.142đ.

Các ông: Trần Nghĩa N, Trần Nghĩa H mỗi người phải nộp: 58.142.857đ x 5% = 2.907.142đ.

Chị Trần Thị V (Nguyễn Thị V) phải nộp: 58.142.857đ x 5% = 2.907.142đ.

Các anh Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 phải liên đới nộp: 58.142.857đ x 5% = 2.907.142đ.

Ông Trần Nghĩa T, bà Trần Thị H1, ông Trần Quốc L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí;

[10] Về chi phí định giá tài sản: 3.000.000đ (ông T đã dự nộp). Ông Trần Quốc L, Trần Nghĩa N, Trần Nghĩa H mỗi người phải phải giao lại cho ông T 215.000đ.

Chị Trần Thị V phải giao lại ông Thành 215.000đ; Các anh Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 phải liên đới giao lại ông T 215.000đ; ông T phải chịu 2.350.000đ (đã nộp xong).

[11] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều: 631, 634, 635, 641, 646, 649, 652, 653, 657, 667, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nghĩa T:

1.1. Giao ông Trần Nghĩa T và bà Trần Thị H1, chị Trần Thị Thanh T4, anh Trần Nghĩa T3 (hưởng phần bà Nguyễn Thị H3) được quyền sử dụng thửa đất số 195, tờ bản đồ số 53, diện tích 203,5m² có giá trị: 814.000.000đ - theo Giấy chứng nhận QSD đất số AL 389433 do UBND huyện T cấp ngày 06/11/2007, đất tọa lạc tại thôn G2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Định. Bà H1, chị T4, anh T3 không có đơn yêu cầu độc lập về phân chia phần di sản của bà H3, nên tạm giao phần của bà H3 cho ông T tạm quản lý. Những người liên quan gồm: bà H1, chị T4, anh T3 có quyền khởi kiện thành vụ án khác yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật.

1.2. Buộc ông T có nghĩa vụ thối lại cho: ông Trần Quốc L, ông Trần Nghĩa N, ông Trần Nghĩa H mỗi người 58.142.857đ; thối lại chị Trần Thị V (tên gọi khác là Nguyễn Thị V) 58.142.857đ (thừa kế thế vị của ông Trần Nghĩa D); thối lại cho các anh: Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 58.142.857đ (hưởng thừa kế thế vị của ông Trần Nghĩa H2).

1.3. Bác yêu cầu của ông Trần Quốc L và các ông bà: Trần Nghĩa N, Nguyễn Thị L1, Trần Thị V, Nguyễn Thị T1, Trần Quốc Q không thừa nhận di chúc cụ Nguyễn Thị Đ, yêu cầu phân chia toàn bộ di sản theo quy định, đòi nhận hiện vật vì không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

2/ Về án phí sơ thẩm, chi phí định giá:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Nghĩa T, bà Trần Thị H1, Trần Quốc L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí;

Anh Trần Nghĩa T3, chị Trần Thị T4 Trang mỗi người phải nộp: 2.907.142đ.

Các ông: Trần Nghĩa N, Trần Nghĩa H mỗi người phải nộp: 2.907.142đ.

Chị Trần Thị V (Nguyễn Thị V) phải nộp: 2.907.142đ.

Các anh Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 phải liên đới nộp: 2.907.142đ.

2.2. Về chi phí định giá tài sản:

Ông Trần Nghĩa T phải chịu 2.350.000đ (đã nộp xong).

Ông Trần Quốc L, ông Trần Nghĩa N, ông Trần Nghĩa H mỗi người phải phải giao lại cho ông T 215.000đ. Chị Nguyễn Thị V (Trần Thị V) phải giao lại ông Thành 215.000đ; các anh Trần Quốc C, Trần Quốc Q, Trần Quốc C1 phải liên đới giao lại ông T 215.000đ.

3/ Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4/ Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam